

Số: 185/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 23 tháng 01 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc hủy bỏ danh mục công trình đã được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nghĩa Hưng

### UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số: 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; 148/2020/NĐ-CP ngày 18/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh Nam Định số: 135/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 về việc điều chỉnh, hủy bỏ và chấp thuận danh mục dự án phải thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Nam Định; 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về việc điều chỉnh, hủy bỏ và chấp thuận danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa, dưới 20 ha đất rừng phòng hộ sang mục đích khác năm 2024 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Căn cứ các Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 06/07/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hưng;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt định chỉnh loại đất, diện tích; thay đổi về quy mô, địa điểm, số lượng công trình, dự án trong Quy hoạch sử

dụng đất đến năm 2030 huyện Nghĩa Hưng và các Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt, phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Nghĩa Hưng;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hưng tại Tờ trình số 09/TTr-UBND ngày 11/01/2024; của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 294/TTr-STNMT ngày 19/01/2024 và hồ sơ kèm theo.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt hủy bỏ danh mục dự án, công trình được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất nhưng chưa thực hiện và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nghĩa Hưng, cụ thể như sau:

1. Hủy bỏ danh mục công trình, dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất nhưng 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn huyện Nghĩa Hưng với tổng số 08 công trình, dự án với tổng diện tích 20,86 ha.

(chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nghĩa Hưng với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

2.1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>		<b>25.888,79</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>15.100,53</b>	<b>58,33</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.595,17	37,06
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	9.548,44	36,88
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	585,10	2,26
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.098,14	4,24
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.133,04	4,38
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2.510,14	9,70
1.8	Đất làm muối	LMU	54,48	0,21
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	124,46	0,48
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>8.584,71</b>	<b>33,16</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	38,59	0,15
2.2	Đất an ninh	CAN	3,50	0,01
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	518,53	2,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	6,00	0,02
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	24,43	0,09
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	637,16	2,46
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	52,05	0,20
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp	DHT	4.111,05	15,88

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	huyện, cấp xã			
	Trong đó:		-	-
-	Đất giao thông	DGT	1.620,27	6,26
-	Đất thủy lợi	DTL	1.995,41	7,71
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,21	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,20	0,03
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	74,81	0,29
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	16,27	0,06
-	Đất công trình năng lượng	DNL	9,51	0,04
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,32	0,01
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	43,76	0,17
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	82,58	0,32
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, NHT	NTD	250,87	0,97
-	Đất chợ	DCH	6,84	0,02
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	23,06	0,09
2.10	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	0,99	0,00
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.242,39	4,80
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	128,07	0,49
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,05	0,08
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,04	0,01
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	20,43	0,08
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.628,01	6,29
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	120,34	0,46
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	7,02	0,03
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>2.203,55</b>	<b>8,51</b>

## 2.2. Kế hoạch thu hồi các loại đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>127,37</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	105,40
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	105,40
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	5,28
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	6,77
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	9,92
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>28,84</b>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
2.1	Đất quốc phòng	CQP	2,53
2.2	Đất an ninh	CAN	0,01
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,11
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,18
2.5	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	1,00
2.6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	16,78
	Đất giao thông	DGT	5,88
	Đất thủy lợi	DTL	10,53
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,02
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,05
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,09
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, NHT	NTD	0,21
2.7	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,08
2.8	Đất ở tại nông thôn	ONT	7,72
2.9	Đất ở tại đô thị	ODT	0,35
2.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,01
2.11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,07

### 2.3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>623,30</b>
	Trong đó:		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	117,13
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	116,93
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	9,42
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	22,41
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	474,03
1.5	Đất làm muối	LMU/PNN	0,31
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>		<b>-</b>
<b>3</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở</b>	<b>PKO/OCT</b>	<b>1,06</b>

## 2.4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>-</b>
2	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>0,22</b>
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,22
2.1.1	Đất giao thông	DGT	0,02
2.1.2	Đất thủy lợi	DTL	0,20

2.5. Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2024 của huyện Nghĩa Hưng.

(chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

#### 1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chịu trách nhiệm toàn diện về các thông tin, số liệu, kết quả thẩm định hồ sơ kế hoạch sử dụng đất trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc UBND huyện Nghĩa Hưng công bố, công khai và triển khai thực hiện các công trình, dự án thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo đúng quy định.

#### 2. Giao UBND huyện Nghĩa Hưng chỉ đạo các phòng, ban liên quan

- Công bố công khai các công trình, dự án thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt theo đúng quy định.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch đã được duyệt. Trường hợp có sự bất cập giữa quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch xây dựng, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, các quy hoạch chuyên ngành khác và các quy định của tỉnh thì kịp thời báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Chịu trách nhiệm rà soát lại các công trình, dự án thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2024, đảm bảo thống nhất số liệu, địa điểm giữa hồ sơ và thực địa; chỉ tiêu và khu vực sử dụng đất theo chức năng sử dụng trong quy hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; rà soát lại các nội dung có liên quan đến pháp luật về đất đai, pháp luật về quy hoạch và pháp luật khác có liên quan,

chỉ tiến hành lập thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đất đai, pháp luật khác có liên quan.

- Thông báo cho UBND các xã, thị trấn, các chủ đầu tư có công trình, dự án đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024 lập thủ tục hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo thời gian thực hiện kế hoạch và chỉ thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trong khu dân cư đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hưng, Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
  - Lưu: VP1, VP6, VP3.
- KH08

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Anh Dũng**